

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn xây dựng ngành Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn xây dựng ngành Giao thông vận tải”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 3332/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2012 và Quyết định số 4387/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục, Tổng Giám đốc các Ban quản lý dự án, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ tư lệnh (để báo cáo)
- Các Thứ trưởng;
- Trung tâm CNTT;
- Cổng thông tin điện tử BGTVT;
- Lưu VT, CQLXD (08).



Nguyễn Ngọc Đông

QUY ĐỊNH

ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC TƯ VẤN XÂY DỰNG NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải)

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Áp dụng trong ngành Giao thông vận tải (GTVT); việc đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn không thay thế công tác đánh giá lựa chọn tư vấn theo Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu đối với các dự án ngành GTVT.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức tư vấn lập quy hoạch, lập dự án, khảo sát thiết kế, thẩm tra dự án, thẩm tra thiết kế (được gọi chung là tư vấn thiết kế), tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các dự án do Bộ GTVT là Chủ đầu tư, Bộ GTVT là cấp quyết định đầu tư, giao cho Tổng cục, các Cục Quản lý chuyên ngành hoặc các Ban QLDA, các Sở GTVT các tỉnh, thành phố làm Chủ đầu tư và các dự án được Bộ GTVT ủy quyền cho Tổng cục, các Cục chuyên ngành là cấp quyết định đầu tư.

Điều 3. Mục tiêu của việc đánh giá, xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn

- Kết quả đánh giá sẽ được Bộ GTVT, các Chủ đầu tư, Ban QLDA sử dụng làm tiêu chí đánh giá trong quá trình lựa chọn nhà thầu tư vấn, trong quyết định xử lý nhà thầu tư vấn (nếu cần thiết);

- Giúp Bộ GTVT, các Chủ đầu tư, các Tổng Cục, Cục quản lý chuyên ngành, các Sở GTVT các tỉnh, thành phố nắm rõ được tình hình hoạt động của các tổ chức tư vấn ngành GTVT trong cả nước và ở mỗi địa phương, tạo điều kiện cho việc hoạch định cơ chế, chính sách quản lý nhà nước sát với thực tiễn; tăng cường quản lý chất lượng hoạt động tư vấn, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng công trình giao thông;

- Góp phần tạo dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, giúp các tổ chức, doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc tìm kiếm, lựa chọn đối tác nhờ khai thác cơ sở dữ liệu minh bạch, tin cậy được công bố rộng rãi và cập nhật định kỳ;

- Tạo điều kiện để các tổ chức tư vấn khẳng định vị trí và phát triển, quảng bá thương hiệu trên thị trường; định kỳ xem xét lại năng lực của chính mình, nhận biết những điểm hạn chế để có kế hoạch khắc phục, nâng cao năng lực.

Điều 4. Đơn vị thực hiện đánh giá

1. Các cơ quan thuộc Bộ GTVT:

- Cục QLXD & CLCTGT chủ trì phối hợp với các Chủ đầu tư, các Ban QLDA, chuyên gia trong ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn hàng năm: hướng dẫn kê khai; tổng hợp kết quả kê khai, tiến hành kiểm tra theo xác suất và trình Lãnh đạo Bộ quyết định công bố kết quả đánh giá, xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn hàng năm; công bố rộng rãi trên trang điện tử của Bộ GTVT về những trường hợp cố ý kê khai không trung thực; làm rõ hoặc trả lời các thắc mắc của các cơ quan, đơn vị, tư vấn (nếu có);

- Các cơ quan tham mưu của Bộ GTVT: Theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình, thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong quá trình thực hiện công bố xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn xây dựng ngành GTVT.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin Bộ GTVT thực hiện việc lưu trữ biểu mẫu kê khai, công bố kết quả đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn xây dựng công trình giao thông hàng năm trên cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT.

2. Các tổ chức tư vấn xây dựng công trình giao thông:

Hàng năm các tổ chức tư vấn tự kê khai và tự chấm điểm năng lực, đánh giá kết quả thực hiện theo biểu mẫu quy định, gửi bản cứng và dữ liệu điện tử về Bộ GTVT theo địa chỉ được hướng dẫn; chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

3. Các Chủ đầu tư, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, các Sở GTVT, các Ban QLDA:

Hàng năm, theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình, thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong quá trình thực hiện công bố xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện các đơn vị tư vấn ngành GTVT;

Lập báo cáo về kết quả hoạt động của tổ chức tư vấn tại các dự án do cơ quan mình quản lý theo biểu mẫu kèm theo, gửi về Bộ GTVT (qua Cục QLXD & CLCTGT) làm cơ sở để đối chiếu, kiểm tra sự kê khai của các tổ chức tư vấn.

Điều 5. Tiêu chí và thang điểm đánh giá năng lực

1. Tiêu chí đánh giá tổ chức tư vấn thiết kế:

a) Kinh nghiệm: đánh giá thông qua thời gian hoạt động và kết quả thực hiện trong 03 năm gần nhất thông qua các dự án cụ thể:

b) Năng lực của tổ chức tư vấn: Đánh giá thông qua các tiêu chí dưới đây:

- Về nhân sự;
- Về thiết bị, phần mềm phục vụ khảo sát thiết kế;
- Về năng lực tài chính.

Quy định chi tiết trong Phụ lục 1. Các nội dung kê khai thiếu trung thực sẽ bị đánh giá không có điểm (điểm 0).

2. Tiêu chí đánh giá tổ chức tư vấn giám sát:

a) Kinh nghiệm: đánh giá thông qua thời gian hoạt động tư vấn giám sát và kết quả hoạt động trong 03 năm gần nhất thông qua các dự án cụ thể.

b) Năng lực của tổ chức tư vấn: Đánh giá thông qua các tiêu chí dưới đây:

- Về nhân sự;
- Về năng lực tài chính.

Quy định chi tiết trong Phụ lục 2. Các nội dung kê khai thiếu trung thực sẽ bị đánh giá không có điểm (điểm 0).

3. Tiêu chí đánh giá tổ chức tư vấn kiểm định

a) Kinh nghiệm: đánh giá thông qua thời gian hoạt động và kết quả thực hiện trong 03 năm gần nhất thông qua các dự án cụ thể;

b) Năng lực của tổ chức tư vấn: Đánh giá thông qua các tiêu chí dưới đây:

- Về nhân sự;
- Về thiết bị phục vụ kiểm định;
- Về năng lực tài chính.

Quy định chi tiết trong Phụ lục 3. Các nội dung kê khai thiếu trung thực sẽ bị đánh giá không có điểm (điểm 0).

Điều 6. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện

Đánh giá kết quả thực hiện căn cứ tỷ lệ giữa số điểm đạt được của tổ chức tư vấn theo kết quả thực hiện các dự án trong 03 năm gần nhất so với số điểm kết quả thực hiện các dự án tối đa có thể đạt được (chưa xét điểm thưởng, điểm phạt; sau đây gọi là số điểm tiêu chuẩn).

Điều 7. Xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn

Đánh giá và xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn khảo sát thiết kế, thẩm tra thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định thực hiện riêng biệt cho từng lĩnh vực: đường bộ, đường sắt, đường thủy – hàng hải, đường hàng không.

Kết quả xếp hạng các tổ chức tư vấn từng lĩnh vực sẽ được sắp xếp thành Nhóm 10 tư vấn cao điểm nhất TOP 10, TOP 20, TOP 50, TOP 100, nhóm còn lại theo thứ tự từ cao xuống thấp dựa trên số điểm đạt được.

Điều 8. Đánh giá kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn

Đánh giá kết quả thực hiện của tổ chức tư vấn theo 04 mức:

- “Đáp ứng vượt yêu cầu”: Tổ chức tư vấn đạt được số điểm cao hơn số điểm tiêu chuẩn.

- “Đáp ứng yêu cầu”: Tổ chức tư vấn đạt được từ 85 % đến 100% số điểm tiêu chuẩn.

- “Trung bình”: Tổ chức tư vấn đạt được từ 70 % đến dưới 85% số điểm tiêu chuẩn.

- “Chưa đáp ứng yêu cầu”: Tổ chức tư vấn đạt được dưới 70 % số điểm tiêu chuẩn.

Điểm số đạt được cho từng dự án đối với các tổ chức tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định được quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Quyết định này.

Đánh giá kết quả thực hiện hàng năm của các tổ chức tư vấn được quy định tại Phụ lục 4 Quyết định này.

Điều 9. Quy trình và thời gian đánh giá

1. Đánh giá năm 2015:

Bộ GTVT sẽ đánh giá năng lực xếp hạng, đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị Tư vấn tham gia các dự án theo kết quả thực hiện trong 03 năm gần nhất, từ năm 2013 đến nay.

2. Đánh giá định kỳ hàng năm:

a) Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các đơn vị tư vấn gửi báo cáo đánh giá năng lực hoạt động của đơn vị mình và tự chấm điểm theo mẫu quy định gửi về Cục QLXD & CL CTGT;

b) Các Chủ đầu tư, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, các Sở GTVT, các Ban QLDA trong thời gian trên cũng gửi báo cáo đánh giá về các đơn vị tư vấn đã thực hiện các dự án do đơn vị mình quản lý theo mẫu qui định, gửi về Bộ GTVT (qua Cục QLXD & CLCTGT) làm cơ sở để đối chiếu, kiểm tra sự kê khai của các tổ chức tư vấn;

c) Cuối tháng 01 hàng năm, Cục QLXD & CL CTGT chủ trì lấy ý kiến các đơn vị quy định tại mục 1, Điều 4 kèm theo báo cáo của các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án về đánh giá xếp hạng năng lực các tổ chức tư vấn.

d) Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày lấy ý kiến, các đơn vị phải gửi kết quả đánh giá bằng văn bản về Cục QLXD & CL CTGT để tổng hợp.

e) Cục QLXD & CL CTGT tổng hợp đánh giá, xếp loại, báo cáo Bộ GTVT công bố xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn vào cuối tháng 02 hàng năm.

f) Trung tâm Công nghệ Thông tin Bộ GTVT thực hiện việc lưu trữ biểu mẫu kê khai, công bố kết quả đánh giá, xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn xây dựng công trình giao thông hàng năm trên cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT, đảm bảo dễ nhận biết và thuận tiện truy cập.

g) Quá trình đánh giá Cục QLXD & CL CTGT phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư, Ban QLDA và các đơn vị tư vấn để làm rõ các nội dung liên quan (nếu cần).

h) Cục QLXD & CL CTGT phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ kết quả thực tế tại các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất và trên cơ sở báo cáo của các Chủ đầu tư, các Ban QLDA xem xét độ chính xác của kết quả đánh giá năng lực và đánh giá kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn.

Điều 10. Công bố và sử dụng kết quả đánh giá xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện

1. Kết quả đánh giá năng lực xếp hạng và đánh giá kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT.

2. Thông tin công bố về kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn được sử dụng trong quá trình lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định của Bộ GTVT đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông sử dụng vốn Nhà nước do Bộ GTVT quyết định đầu tư.

3. Đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nhà đầu tư căn cứ Hợp đồng dự án ký kết và kết quả đánh giá, công bố của Bộ GTVT làm cơ sở đánh giá, lựa chọn nhà thầu.

4. Đối với các tổ chức tư vấn đã được xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện do Bộ GTVT công bố, trong quá trình triển khai, định kỳ hàng năm phải cập nhật và tự kê khai theo mẫu quy định và thực hiện theo Điều 9 quy định này.

5. Đối với các cơ quan/đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư hoặc đơn vị/Ban QLDA được Bộ GTVT giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư (hoặc quản lý dự án) các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư, hàng năm phải có báo cáo về đánh giá xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện các đơn vị tư vấn các dự án do mình quản lý. Đây là một tiêu chí để Bộ GTVT xem xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư đang được Bộ GTVT triển khai áp dụng.

2.



Nguyễn Ngọc Đông

Phụ lục 1
Quy định chi tiết về tiêu chí, thang điểm đánh giá năng lực
tổ chức tư vấn thiết kế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4238/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

1. Tiêu chí đánh giá kinh nghiệm

Tiêu chí này được đánh giá thông qua 2 chỉ tiêu về số năm hoạt động tư vấn khảo sát thiết kế (KSTK), thẩm tra và kết quả đã thực hiện các dự án trong 03 năm gần nhất, cụ thể như sau:

- Số năm hoạt động tư vấn khảo sát thiết kế, thẩm tra chia thành bốn mức: Từ 2 năm đến dưới 5 năm tính 10 điểm, từ 5 năm đến dưới 10 năm tính 20 điểm, từ 10 năm đến dưới 15 năm tính 30 điểm và từ 15 năm trở lên tính 40 điểm. Tổ chức hoạt động tư vấn KSTK, thẩm tra dưới 2 năm không tính điểm theo chỉ tiêu này.

- Kết quả thực hiện các dự án sẽ tính cụ thể đối với các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn KSTK, thẩm tra trong 03 năm gần nhất – đồ án đã được phê duyệt hoặc tối thiểu đã có báo cáo thẩm tra với kết quả đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt. Mức điểm của một dự án tính theo quy mô và cấp công trình: Quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C và cấp công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, cấp IV trở xuống. Có xem xét trừ điểm đối với dự án có sai sót về chất lượng do lỗi thiết kế, thẩm tra dẫn đến việc thay đổi giải pháp kỹ thuật hoặc phương án, tổng mức đầu tư, được nêu rõ trong các văn bản của Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền. Điểm số có xét đến mức độ tham gia của tổ chức tại dự án với vai trò liên danh hoặc thầu phụ. Thang điểm cụ thể quy định trong Bảng 1, Bảng 2.

Bảng 1 – Thang điểm cho kết quả thực hiện các dự án đối với tư vấn thiết kế

TT	Cấp hạng dự án đã tham gia	Điểm dự án / công trình
Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi		
1	Dự án quan trọng quốc gia	16
2	Dự án nhóm A	8
Lập dự án đầu tư xây dựng (Báo cáo nghiên cứu khả thi)		
1	Dự án quan trọng quốc gia	24
2	Dự án nhóm A	12
3	Dự án nhóm B	6
4	Dự án nhóm C	1
Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 2 bước)		
1	Công trình cấp đặc biệt	24
2	Công trình cấp I	12
3	Công trình cấp II	6
4	Công trình cấp III	3
5	Công trình từ cấp IV trở xuống	1
Thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 3 bước)		
1	Công trình cấp đặc biệt	16
2	Công trình cấp I	8
3	Công trình cấp II	4
4	Công trình cấp III	2
5	Công trình từ cấp IV trở xuống	0,5

Bảng 2 – Thang điểm cho kết quả thực hiện các dự án đối với tư vấn thẩm tra

TT	Cấp hạng dự án đã tham gia	Điểm dự án / công trình
Bước lập dự án đầu tư xây dựng (Bảo cáo nghiên cứu khả thi)		
I	<i>Thẩm tra về kỹ thuật</i>	
1	Dự án quan trọng quốc gia	7
2	Dự án nhóm A	4
3	Dự án nhóm B	2
4	Dự án nhóm C	0,3
II	<i>Thẩm tra tổng mức đầu tư</i>	
1	Dự án quan trọng quốc gia	5
2	Dự án nhóm A	3
3	Dự án nhóm B	1,5
4	Dự án nhóm C	0,2
Bước thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 2 bước)		
I	<i>Thẩm tra về thiết kế</i>	
1	Công trình cấp đặc biệt	7
2	Công trình cấp I	4
3	Công trình cấp II	2
4	Công trình cấp III	1
5	Công trình từ cấp IV trở xuống	0,3
II	<i>Thẩm tra dự toán</i>	
1	Công trình cấp đặc biệt	5
2	Công trình cấp I	3
3	Công trình cấp II	1,5
4	Công trình cấp III	0,7
5	Công trình từ cấp IV trở xuống	0,2

Ghi chú:

- Phân loại dự án đầu tư: Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C và phân cấp công trình: Công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, IV căn cứ quy mô, cấp công trình theo quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt thiết kế của cấp có thẩm quyền phù hợp với quy định phân loại dự án, phân cấp công trình của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.
- Đối với dịch vụ tư vấn lập quy hoạch giao thông, tùy thuộc vào phạm vi và tầm quan trọng của hệ thống giao thông được lập quy hoạch sẽ xem xét tính điểm ở mức tương ứng như dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư.
- Tổ chức tư vấn thẩm tra thực hiện cả dịch vụ thẩm tra thiết kế (về kỹ thuật) và thẩm tra tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) thì được số điểm tính bằng tổng số điểm tương ứng cho hai loại dịch vụ quy định ở Bảng 2.
- Điểm đạt được của tổ chức tư vấn là tổng số điểm tính từ số lượng các dự án phân theo cấp hạng ở Bảng 1. Trường hợp liên doanh, liên danh, thầu phụ thì nhân hệ số tương ứng mức độ tham gia (theo giá trị sản lượng của tổ chức trên tổng giá trị dịch vụ tư vấn, tính theo %).
- Dự án có ứng dụng công nghệ, giải pháp kỹ thuật mới hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả thiết thực được Hội đồng Khoa học – công nghệ Bộ GTVT hoặc Vụ Khoa học công nghệ của Bộ GTVT xác nhận thì được tính điểm tăng thêm 50% cho dự án đó.

- Đối với dự án, công trình mà sản phẩm của dịch vụ tư vấn đạt chất lượng tốt được khen thưởng thì tính điểm tăng thêm theo các mức sau:
 - + Bộ GTVT hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng thì tính điểm tăng thêm 50% cho điểm dự án, công trình đó.
 - + Có tối thiểu một công trình đạt "Giải thưởng công trình xây dựng chất lượng cao" thì được tính điểm tăng thêm 10% tổng số điểm của mục Kê khai chi tiết các dự án.
 - + Có tối thiểu một công trình đạt "Giải thưởng quốc gia về chất lượng công trình xây dựng" được tính điểm tăng thêm 20% tổng số điểm của mục Kê khai chi tiết các dự án, điểm được tính tăng thêm trong 03 năm kể từ khi đạt giải thưởng (trong trường hợp này sẽ không tính điểm tăng thêm đối với Giải thưởng công trình xây dựng chất lượng cao).
- Sản phẩm của tổ chức tư vấn có sai sót về chất lượng (sai sót trong giải pháp kỹ thuật, tính dự toán, tổng mức đầu tư, hiệu quả tài chính, kinh tế-xã hội...) hoặc chậm tiến độ do lỗi của tổ chức tư vấn thì sẽ bị trừ điểm theo các mức sau:
 - + Bị khách hàng hoặc cấp có thẩm quyền cảnh cáo bằng văn bản bị trừ đi 30% số điểm của dự án đó;
 - + Bị khách hàng phạt hợp đồng - không tính điểm cho dự án, công trình đó;
 - + Vi phạm dẫn đến khách hàng chấm dứt hợp đồng bị trừ 15% số điểm của mục Kê khai chi tiết các dự án.
 - + Bị Bộ GTVT hoặc cấp có thẩm quyền cấm tham gia đấu thầu thì trong thời gian bị cấm tham gia đấu thầu sẽ không được xếp hạng; Khi hết thời hạn bị cấm đấu thầu, tổ chức tư vấn được tiếp tục đánh giá, xếp hạng nhưng không tính điểm đối với các dự án hoàn thành trong thời gian bị cấm tham gia đấu thầu.
 - + Bị cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước xác định có vi phạm, thì tùy thuộc hình thức xử lý của khách hàng hoặc cấp có thẩm quyền (cảnh cáo, phạt hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cấm đấu thầu) sẽ bị trừ điểm, xử lý theo mức tương ứng như quy định trên đây.
 - + Do lỗi của tổ chức tư vấn mà dẫn đến sự cố công trình Cấp III thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó còn bị trừ 30% tổng số điểm đạt được ở mục Kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).
 - + Do lỗi của tổ chức tư vấn mà dẫn đến sự cố công trình Cấp II thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó, còn bị trừ 40% tổng số điểm đạt được ở mục Kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm, kể từ thời điểm xảy ra sự cố).
 - + Do lỗi của tư vấn mà dẫn đến sự cố công trình Cấp I trở lên thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định, còn bị trừ 50% tổng số điểm đạt được ở mục Kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).
- Tùy thuộc vào lĩnh vực xếp hạng, các dự án đưa vào tính điểm được quy định như sau:
 - + Đường bộ: Quy hoạch, dự án nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới đường bộ các cấp, các dự án cầu, hầm, trên hệ thống đường bộ.
 - + Đường sắt: Quy hoạch, dự án nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới đường sắt, ga đường sắt, các cầu, hầm trên tuyến đường sắt, đường sắt đô thị.
 - + Đường thủy nội địa – hàng hải: Quy hoạch, dự án nâng cấp, cải tạo, chỉnh trị luồng tàu, cảng, bến bãi, đê chắn, kè bờ.

+ Đường hàng không: Quy hoạch, dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới sân bay, nhà ga hàng không.

2. Tiêu chí đánh giá năng lực

a). Nhân sự

Tiêu chí này được đánh giá theo số lượng kỹ sư, kiến trúc sư đang làm việc tại tổ chức có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên hoặc thuộc diện biên chế nhà nước, thời gian làm việc tối thiểu 40 tiếng/tuần và phải tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại tổ chức đó (trừ người đã nghỉ hưu). Chỉ tính điểm đối với nhân sự chủ chốt, đủ tiêu chuẩn để đảm nhiệm chức danh Chủ nhiệm khảo sát; chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế, định giá xây dựng theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, với 3 mức điểm cho Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 và phải phù hợp với lĩnh vực xếp hạng. Mỗi cá nhân chỉ được kê khai trong một tổ chức tư vấn. Chi tiết xem Bảng 3.

Bảng 3: Thang điểm về năng lực nhân sự

TT	Chức danh đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm	Điểm cho 1 cá nhân
1	Chủ nhiệm khảo sát; Chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế, định giá xây dựng Hạng 1	12
2	Chủ nhiệm khảo sát; Chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế, định giá xây dựng Hạng 2	8
3	Chủ nhiệm khảo sát; Chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế, định giá xây dựng Hạng 3	4

Ghi chú

- Trường hợp tên cá nhân kê khai trùng lặp ở nhiều tổ chức thì chỉ tính điểm cho cá nhân đó ở một tổ chức duy nhất đáp ứng điều kiện hợp đồng lao động quy định tại điểm a, khoản 2 Phụ lục này. Không tính điểm cho cá nhân ở tất cả các tổ chức tư vấn khi hợp đồng lao động do cá nhân ký với các tổ chức Tư vấn khác nhau trùng lặp về thời gian.

- Cá nhân có hành vi vi phạm trong quản lý chất lượng xây dựng bị xử lý cảnh cáo thì không xét vào danh sách tính điểm trong thời hạn 3 năm, kể từ năm nhận hình thức kỷ luật; bị hạ bậc lương, giáng chức, cách chức thì không xét vào danh sách tính điểm trong thời hạn 03 năm, kể từ năm nhận hình thức kỷ luật.

- Đối với các cá nhân chưa được cấp chứng chỉ hành nghề mới theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, tổ chức tư vấn căn cứ loại chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp, căn cứ tiêu chuẩn quy định tại các Điều 45, 46, 47, 48, 52 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tế của cá nhân để xếp Hạng 1, Hạng 2 hoặc Hạng 3 khi kê khai cho phù hợp.

b). Trang thiết bị, phần mềm phục vụ khảo sát thiết kế

Tiêu chí này được đánh giá thông qua 2 chỉ tiêu: Đánh giá về thiết bị khảo sát, thiết bị thí nghiệm và đánh giá phần mềm phục vụ khảo sát thiết kế.

- Tổ chức tư vấn sở hữu hệ thống trang thiết bị để chủ động triển khai khảo sát phục vụ cho công tác tư vấn ở lĩnh vực xếp hạng (tối thiểu có đủ bộ thiết bị khảo sát địa hình, địa chất; riêng lĩnh vực đường thủy nội địa – hàng hải phải có thêm bộ

· thiết bị khảo sát thủy, hải văn) tính 50 điểm.

- Tổ chức tư vấn sở hữu hệ thống phần mềm chuyên dụng, có bản quyền để thiết kế đảm bảo tính toán, xử lý được những nội dung kỹ thuật phức tạp tính 25 điểm.

- Tổ chức tư vấn sở hữu phòng thí nghiệm được cấp dấu LAS-XD có năng lực thực hiện các phép thử về địa chất công trình được tính 25 điểm, về vật liệu xây dựng tính 25 điểm.

c). Tiêu chí đánh giá về năng lực tài chính

Năng lực tài chính đánh giá theo chỉ tiêu doanh thu sản xuất kinh doanh hàng năm của hoạt động tư vấn tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Giá trị doanh thu tính trung bình cho 03 năm gần nhất, từ 50 tỷ đồng trở lên tính 100 điểm, dưới 50 tỷ đồng thì 1 tỷ đồng (theo nguyên tắc làm tròn số) tính 2 điểm.

3. Hướng dẫn kê khai

Bộ Giao thông vận tải có văn bản hướng dẫn chi tiết kèm theo.

Phụ lục 2
Quy định chi tiết về tiêu chí, thang điểm đánh giá năng lực
tổ chức tư vấn giám sát

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4291/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Tiêu chí kinh nghiệm

Tiêu chí này được đánh giá thông qua 2 chỉ tiêu về số năm hoạt động tư vấn giám sát (TVGS), kết quả đã thực hiện các dự án trong 03 năm gần nhất.

- Số năm hoạt động tư vấn giám sát chia thành bốn mức: từ 2 năm đến dưới 5 năm tính 10 điểm, từ 5 năm đến dưới 10 năm tính 20 điểm, từ 10 năm đến dưới 15 năm tính 30 điểm và từ 15 năm trở lên tính 40 điểm. Tổ chức có thời gian hoạt động TVGS dưới 2 năm không tính điểm.

- Kết quả thực hiện các dự án sẽ tính cụ thể đối với các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn giám sát trong 03 năm gần nhất, công trình đã được đưa vào khai thác, sử dụng Mức điểm của một dự án tính theo quy mô và cấp công trình: Quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C và công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, cấp IV trở xuống. Có xem xét trừ điểm đối với dự án có sai sót về chất lượng do lỗi tư vấn giám sát dẫn đến chất lượng công trình có vấn đề hoặc sự cố công trình, được nêu rõ trong các văn bản của Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền. Điểm số có xét đến mức độ tham gia của tổ chức tại dự án, chi tiết xem Bảng 4.

Bảng 4: Thang điểm kinh nghiệm theo kết quả thực hiện TVGS các dự án

TT	Cấp hạng dự án đã tham gia	Điểm dự án / công trình
1	Dự án quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt	32
2	Dự án nhóm A hoặc công trình cấp I	16
3	Dự án nhóm B và có công trình cấp II	8
4	Dự án nhóm B và có công trình cấp III	4
5	Dự án nhóm C hoặc công trình cấp IV trở xuống	1

Ghi chú:

- Phân loại dự án đầu tư: Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C và phân cấp công trình: Công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, IV căn cứ quy mô, cấp công trình theo quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt thiết kế của cấp có thẩm quyền phù hợp với quy định phân loại dự án, phân cấp công trình của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

- Điểm đạt được của tổ chức tư vấn là tổng số điểm tính từ số lượng các dự án phân theo cấp hạng ở Bảng 4. Trường hợp liên doanh, liên danh thì nhân hệ số tương ứng mức độ tham gia (theo giá trị sản lượng của tổ chức trên tổng giá trị dịch vụ TVGS, tính theo %).

- Trường hợp tổ chức tư vấn chỉ tham gia thực hiện TVGS một hoặc một số gói thầu xây lắp trong dự án thì tính điểm tương ứng với tỷ lệ giá trị xây lắp của các gói thầu do tổ chức tư vấn thực hiện TVGS trên tổng giá trị xây lắp của dự án (cả dự án thì được hưởng số điểm quy định ở trong bảng).

- Dự án có ứng dụng công nghệ, giải pháp kỹ thuật mới hoặc sáng kiến cải tiến kỹ

thuật đem lại hiệu quả thiết thực được Hội đồng Khoa học – công nghệ Bộ GTVT hoặc Vụ Khoa học công nghệ của Bộ GTVT xác nhận thì được tính điểm tăng thêm 50% cho dự án đó.

- Đối với dự án, công trình mà dịch vụ tư vấn giám sát đạt chất lượng tốt được khen thưởng thì tính điểm tăng thêm theo các mức sau:

+ Bộ GTVT hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng thì tính điểm tăng thêm 50% cho điểm dự án, công trình đó.

+ Có tối thiểu một công trình đạt "Giải thưởng công trình xây dựng chất lượng cao" được tính điểm tăng thêm 10% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án (điểm được tính tăng thêm trong 03 năm kể từ khi đạt giải thưởng).

+ Công trình đạt "Giải thưởng quốc gia về chất lượng công trình xây dựng" được tính điểm tăng thêm 20% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án, điểm được tính tăng thêm trong 03 năm kể từ khi đạt giải thưởng (trong trường hợp này sẽ không tính điểm tăng thêm đối với Giải thưởng công trình xây dựng chất lượng cao).

- Dịch vụ tư vấn giám sát có lỗi hoặc sai sót thì sẽ bị trừ điểm theo các mức sau:

+ Bị khách hàng hoặc cấp có thẩm quyền cảnh cáo tổ chức tư vấn bằng văn bản bị trừ đi 30% số điểm của dự án đó;

+ Bị khách hàng phạt hợp đồng - không tính điểm cho dự án, công trình đó;

+ Vi phạm dẫn đến khách hàng chấm dứt hợp đồng bị trừ 15% số điểm của mục kê khai chi tiết các dự án.

+ Bị Bộ GTVT hoặc cấp có thẩm quyền cấm tham gia đấu thầu thì trong thời gian bị cấm tham gia đấu thầu sẽ không được xếp hạng; Khi hết thời hạn bị cấm đấu thầu, Tổ chức tư vấn được tiếp tục đánh giá, xếp hạng nhưng không tính điểm đối với các dự án hoàn thành trong thời gian bị cấm tham gia đấu thầu.

+ Bị cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước xác định có vi phạm, thì tùy thuộc hình thức xử lý của khách hàng hoặc cấp có thẩm quyền (cảnh cáo, phạt hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cấm đấu thầu) sẽ bị trừ điểm, xử lý theo mức tương ứng như quy định trên đây.

+ Do lỗi của tổ chức tư vấn giám sát mà dẫn đến sự cố công trình Cấp III thì ngoài việc phải xử lý, khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó, còn bị trừ 30% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).

+ Do lỗi của tổ chức tư vấn giám sát mà dẫn đến sự cố công trình Cấp II thì ngoài việc phải xử lý, khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó, còn bị trừ 40% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).

+ Do lỗi của tổ chức tư vấn giám sát mà dẫn đến sự cố công trình Cấp I trở lên thì ngoài việc phải xử lý, khắc phục hậu quả theo quy định, bị còn bị trừ 50% tổng số điểm đạt được cho mục kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).

- Chỉ tính điểm cho các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn giám sát trong 03 năm gần nhất, công trình đã được đưa vào sử dụng, khai thác.

- Tùy thuộc vào chuyên ngành xếp hạng, các dự án đưa vào tính điểm quy định dưới đây:

+ Đường bộ: Dự án nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới đường bộ các cấp, các dự án cầu, hầm trên hệ thống đường bộ.

+ Đường sắt: Dự án nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới đường sắt, ga đường sắt, các cầu, hầm trên tuyến đường sắt, đường sắt đô thị.

+ Đường thủy nội địa – hàng hải: Dự án nâng cấp, cải tạo, chỉnh trị luồng tàu, cảng, bến bãi, đê chắn, kè bờ.

+ Đường hàng không: Dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới sân bay, nhà ga hàng không.

2. Tiêu chí đánh giá năng lực

a). Nhân sự

Đánh giá theo số lượng kỹ sư TVGS đang làm việc tại tổ chức có hợp đồng lao động 1 năm trở lên hoặc thuộc diện biên chế nhà nước tại tổ chức, thời gian làm việc tối thiểu 40 tiếng/tuần và phải tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại tổ chức đó (trừ người đã nghỉ hưu). Chỉ tính điểm đối với kỹ sư TVGS đạt điều kiện năng lực theo các Điều 45, 49, 52 Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ, với 3 mức điểm cho Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 và phải phù hợp với lĩnh vực xếp hạng. Mỗi cá nhân chỉ được kê khai trong một tổ chức tư vấn (chi tiết xem Bảng 5).

Bảng 5: Thang điểm về năng lực nhân sự tổ chức TVGS

TT	Tiêu chuẩn năng lực	Điểm cho 1 cá nhân
1	Đạt tiêu chuẩn Hạng 1	16
2	Đạt tiêu chuẩn Hạng 2	8
3	Đạt tiêu chuẩn Hạng 3	4

Ghi chú:

- Trường hợp kê khai trùng lặp ở nhiều tổ chức thì chỉ tính điểm cho cá nhân đó ở một tổ chức duy nhất đáp ứng điều kiện hợp đồng lao động ở trên. Không tính điểm cho cá nhân ở tất cả các tổ chức tư vấn khi hợp đồng lao động do cá nhân ký với các tổ chức tư vấn khác nhau trùng lặp về thời gian. Kỹ sư đã bị xử lý kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên trong năm gần nhất thì không đưa vào kê khai.

- Cá nhân có hành vi vi phạm trong quản lý chất lượng xây dựng, bị xử lý cảnh cáo thì không xét vào danh sách tính điểm trong thời hạn 3 năm từ năm nhận hình thức kỷ luật; bị hạ bậc lương, giáng chức, cách chức thì không xét vào danh sách tính điểm trong thời hạn 03 năm, kể từ năm nhận hình thức kỷ luật.

- Đối với các cá nhân chưa được cấp chứng chỉ hành nghề mới theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, tổ chức tư vấn căn cứ loại chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp, căn cứ tiêu chuẩn quy định tại các Điều 45, 49, 52 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP và trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tế của cá nhân để xếp Hạng 1, Hạng 2 hoặc Hạng 3 khi kê khai cho phù hợp.

b). Tiêu chí đánh giá về năng lực tài chính

Quy định như đối với Tư vấn thiết kế.

3. Hướng dẫn kê khai

Bộ Giao thông vận tải có văn bản hướng dẫn chi tiết kèm theo.

Phụ lục 3
Quy định chi tiết về tiêu chí, thang điểm đánh giá năng lực
tổ chức tư vấn kiểm định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

4. Tiêu chí đánh giá kinh nghiệm

Tiêu chí này được đánh giá thông qua 2 chỉ tiêu về số năm hoạt động tư vấn kiểm định và kết quả đã thực hiện các dự án trong 03 năm gần nhất, cụ thể như sau:

- Số năm hoạt động tư vấn kiểm định chia thành bốn mức: Từ 2 năm đến dưới 5 năm tính 10 điểm, từ 5 năm đến dưới 10 năm tính 20 điểm, từ 10 năm đến dưới 15 năm tính 30 điểm và từ 15 năm trở lên tính 40 điểm. Tổ chức hoạt động tư vấn KSTK dưới 2 năm không tính điểm theo chỉ tiêu này.

- Kết quả thực hiện các dự án sẽ tính cụ thể đối với các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn kiểm định trong 03 năm gần nhất – báo cáo kiểm định đã được chấp thuận, nghiệm thu. Mức điểm của một dự án tính theo cấp công trình: công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, cấp IV trở xuống. Có xem xét trừ điểm đối với dự án có sai sót về chất lượng kiểm định được nêu rõ trong các văn bản của Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền. Điểm số có xét đến mức độ tham gia của tổ chức tại dự án với vai trò liên danh hoặc thầu phụ. Thang điểm cụ thể quy định trong Bảng 6:

Bảng 6 – Thang điểm cho kết quả thực hiện các dự án

TT	Cấp hạng dự án đã tham gia	Điểm dự án / công trình
1	Công trình cấp đặc biệt	32
2	Công trình cấp I	16
3	Công trình cấp II	8
4	Công trình cấp III	4
5	Công trình cấp IV trở xuống	1

Ghi chú:

- *Phân cấp công trình:* Công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, IV căn cứ quy mô, cấp công trình theo quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt thiết kế của cấp có thẩm quyền phù hợp với quy định phân cấp công trình của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

- *Điểm đạt được của tổ chức tư vấn là tổng số điểm tính từ số lượng các dự án phân theo cấp hạng ở Bảng 6. Trường hợp liên doanh, liên danh, thầu phụ thì nhân hệ số tương ứng mức độ tham gia (theo giá trị sản lượng của tổ chức trên tổng giá trị dịch vụ tư vấn, tính theo %).*

- *Sản phẩm của tổ chức tư vấn kiểm định có sai sót về chất lượng (không phản ánh đúng chất lượng thực tế của công trình, hạng mục công trình) hoặc do lỗi của Tư vấn kiểm định dẫn đến làm chậm tiến độ triển khai dự án sẽ bị trừ điểm theo các mức sau:*

+ *Bị khách hàng hoặc cấp có thẩm quyền cảnh cáo bằng văn bản bị trừ đi 30% số điểm của dự án đó;*

+ *Bị khách hàng phạt hợp đồng - không tính điểm cho dự án, công trình đó;*

+ *Vi phạm dẫn đến khách hàng chấm dứt hợp đồng bị trừ 15% số điểm của mục Kết quả thực hiện các dự án.*

+ Bị Bộ GTVT hoặc cấp có thẩm quyền cấm tham gia đấu thầu thì trong thời gian bị cấm tham gia đấu thầu sẽ không được xếp hạng; Khi hết thời hạn bị cấm đấu thầu, tổ chức tư vấn được tiếp tục đánh giá, xếp hạng nhưng không tính điểm đối với các dự án hoàn thành trong thời gian bị cấm tham gia đấu thầu.

+ Bị cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước xác định có vi phạm, thì tùy thuộc hình thức xử lý của khách hàng hoặc cấp có thẩm quyền (cảnh cáo, phạt hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cấm đấu thầu) sẽ bị trừ điểm, xử lý theo mức tương ứng như quy định trên đây.

+ Do lỗi của tổ chức tư vấn kiểm định dẫn đến không cảnh báo kịp thời về chất lượng công trình, hạng mục công trình, để xảy ra sự cố công trình Cấp III thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó còn bị trừ 30% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).

+ Do lỗi của tổ chức tư vấn kiểm định dẫn đến không cảnh báo kịp thời về chất lượng công trình, hạng mục công trình, để xảy ra sự cố công trình Cấp II thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó còn bị trừ 40% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).

+ Do lỗi của tư vấn kiểm định dẫn đến không cảnh báo kịp thời về chất lượng công trình, hạng mục công trình, để xảy ra sự cố công trình Cấp I trở lên thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định, còn bị trừ 50% tổng số điểm đạt được ở mục kê khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm xảy ra sự cố).

- Tùy thuộc vào lĩnh vực xếp hạng, các dự án đưa vào tính điểm được quy định như sau:

+ Đường bộ: các công trình đường bộ các cấp; các cầu, hầm trên hệ thống đường bộ; các dự án nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới các công trình loại này.

+ Đường sắt: các công trình đường sắt, ga đường sắt, các cầu, hầm trên tuyến đường sắt, đường sắt đô thị; các dự án nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới các công trình thuộc loại này.

+ Đường thủy nội địa- hàng hải: các công trình cảng, bến bãi, đê chắn, kè bờ; các dự án nâng cấp, cải tạo xây mới công trình loại này và các dự án chỉnh trị luồng tàu.

+ Đường hàng không: các công trình sân bay, nhà ga hàng không; các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới sân bay, nhà ga hàng không.

5. Tiêu chí đánh giá năng lực

a). Nhân sự

Tiêu chí này được đánh giá theo số lượng kỹ sư đang làm việc tại tổ chức có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên hoặc thuộc diện biên chế nhà nước, thời gian làm việc tối thiểu 40 tiếng/tuần và phải tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại tổ chức đó (trừ người đã nghỉ hưu). Chỉ tính điểm đối với kỹ sư đạt điều kiện năng lực theo các Điều 45, 50, Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ, với 3 mức điểm cho Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 và phải phù hợp với lĩnh vực xếp hạng. Mỗi cá nhân chỉ được kê khai trong một tổ chức tư vấn. Chi tiết xem Bảng 7.

Bảng 7: Thang điểm về năng lực nhân sự

TT	Chức danh đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm	Điểm cho 1 cá nhân
1	Chủ trì kiểm định Hạng 1	16
2	Chủ trì kiểm định Hạng 2	8
3	Chủ trì kiểm định Hạng 3	4

Ghi chú

- Trường hợp tên cá nhân kê khai trùng lặp ở nhiều tổ chức thì chỉ tính điểm cho cá nhân đó ở một tổ chức duy nhất đáp ứng điều kiện hợp đồng lao động quy định tại điểm a, khoản 2 Phụ lục này. Không tính điểm cho cá nhân ở tất cả các tổ chức tư vấn khi hợp đồng lao động do cá nhân ký với các tổ chức Tư vấn khác nhau trùng lặp về thời gian.

- Cá nhân có hành vi vi phạm trong quản lý chất lượng xây dựng bị xử lý cảnh cáo thì không xét vào danh sách tính điểm trong thời hạn 3 năm, kể từ năm nhận hình thức kỷ luật; bị hạ bậc lương, giáng chức, cách chức thì không xét vào danh sách tính điểm trong thời hạn 03 năm, kể từ năm nhận hình thức kỷ luật.

- Đối với các cá nhân chưa được cấp chứng chỉ hành nghề mới theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, tổ chức tư vấn căn cứ loại chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp, căn cứ tiêu chuẩn quy định tại các Điều 45, 50 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP, và trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tế của cá nhân để xếp Hạng 1, Hạng 2 hoặc Hạng 3 khi kê khai cho phù hợp.

b). Trang thiết bị, phục vụ kiểm định

Tổ chức tư vấn phải sở hữu phòng thí nghiệm được cấp dấu LAS-XD; tiêu chí đánh giá bằng tính điểm thông qua các chỉ tiêu dưới đây:

- Tổ chức tư vấn sở hữu đủ bộ trang thiết bị đo biến dạng, chất lượng kết cấu công trình (tensomete, indicator, máy đo biến dạng + cảm biến, máy dò cốt thép, máy siêu âm,...): tính 15 điểm.

- Tổ chức tư vấn sở hữu đủ bộ trang thiết bị đo dao động, quan trắc chuyển vị kết cấu công trình: tính 15 điểm.

- Tổ chức tư vấn sở hữu đủ bộ trang thiết bị thí nghiệm đánh giá kích thước hình học, độ bằng phẳng, chất lượng các lớp vật liệu, cường độ nền, mặt đường: tính 15 điểm.

- Tổ chức tư vấn sở hữu hệ thống thiết bị, phần mềm chuyên dụng, có bản quyền để xử lý tự động số liệu, phân tích, đánh giá chất lượng công trình kết cấu đặc biệt như cầu dây văng, cầu dây võng,: tính 15 điểm.

c). Tiêu chí đánh giá về năng lực tài chính

Năng lực tài chính đánh giá theo chỉ tiêu doanh thu sản xuất kinh doanh hàng năm của hoạt động tư vấn tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Giá trị tính trung bình cho 03 năm gần nhất, từ 25 tỷ đồng trở lên tính 100 điểm, dưới 25 tỷ đồng thì 1 tỷ đồng (theo nguyên tắc làm tròn số) tính 4 điểm.

6. Hướng dẫn kê khai

Bộ Giao thông vận tải có văn bản hướng dẫn chi tiết kèm theo.

Phụ lục 4

Quy định về đánh giá kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4238/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Đối tượng đánh giá

Đối tượng đánh giá là tất cả các tổ chức tư vấn thực hiện kê khai đánh giá xếp hạng năng lực và theo lĩnh vực mà tổ chức tư vấn kê khai. Ngoài ra, Bộ Giao thông vận tải đánh giá kết quả thực hiện đối với cả các tổ chức tư vấn không kê khai đánh giá xếp hạng năng lực nhưng có đủ cơ sở để xác định kết quả thực hiện của tổ chức tư vấn đó ở mức “chưa đáp ứng yêu cầu”.

2. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn được thực hiện trên cơ sở nội dung kết quả thực hiện các dự án được quy định tại Phụ lục 1, 2, 3 trên đây.

Các tổ chức tư vấn khi kê khai, xác định điểm đạt được của từng dự án đã hoàn thành công việc trong 03 năm gần nhất; xác định số điểm đạt được của mục kết quả thực hiện các dự án sau khi xét đến điểm thưởng hoặc điểm phạt do được khen thưởng hoặc vi phạm riêng đối với dự án kê khai và chung đối với mục này.

Các tổ chức tư vấn xác định số điểm tiêu chuẩn của mục kết quả thực hiện các dự án, là số điểm về nguyên tắc đạt được trong trường hợp không xét đến điểm thưởng, phạt.

Tỷ lệ giữa số điểm mà tổ chức tư vấn đạt được cho mục kết quả thực hiện các dự án và số điểm tiêu chuẩn, tính bằng tỷ lệ phần trăm (%), là căn cứ đánh giá kết quả thực hiện của tổ chức tư vấn theo quy định tại Điều 8 của Quy định đánh giá xếp hạng năng lực và đánh giá kết quả thực hiện của tổ chức tư vấn xây dựng ngành giao thông vận tải.

3. Quy định kê khai

Các tổ chức tư vấn bắt buộc phải kê khai đầy đủ các dự án và các hình thức bị xử lý lỗi, vi phạm mà dẫn đến điểm số kết quả thực hiện của dự án, của hạng mục thực hiện dự án đạt dưới số điểm tiêu chuẩn.

Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có trách nhiệm kê khai đầy đủ các hình thức đã áp dụng đối với việc xử lý lỗi, vi phạm của các tổ chức tư vấn trong quá trình triển khai dự án do mình quản lý.

4. Hướng dẫn kê khai

Bộ Giao thông vận tải có văn bản hướng dẫn chi tiết kèm theo.